TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **89**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 01/6/2023 *"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thị Liên và bà Nguyễn Thị Bạn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 , giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Buôn Cư M, xã E, thành phố B, tỉnh Đ *(Có mặt).*

- **Bị đơn:** Ông Phan Trọng H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Buôn Cư M, xã E, thành phố B, tỉnh Đ *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Nguyễn Thị Thu H (nguyên đơn) và ông Phan Trọng H (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/8/1996 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã E, thành phố B, tỉnh Đ.

Sau khi kết hôn tại chính quyền địa phương xong vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ngày càng không hợp về tính cách, bị đơn thường xuyên uống rượu về đánh đập nguyên đơn nên vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa; Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hải Tr, sinh năm 1996 và Phan Cao C, sinh ngày 12/02/2005. Đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:**

- Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng, nhưng bản thân bị đơn sau mỗi lần mâu thuẫn, xô xát đều xin lỗi bị đơn và khắc phục để vợ chồng tiếp tục chung sống. Vì đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bị đơn không đồng ý. Đề nghị nguyên đơn rút đơn về để cho bị đơn có cơ hội sửa chữa và làm tròn trách nhiệm người chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hải Tr, sinh năm 1996 và Phan Cao C, sinh ngày 12/02/2005. Đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với bị đơn ông Phan Trọng H.

Về con chung: Đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: các đượng sự đã thực hiện đầy đủ, tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm, do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/1996 tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đ là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, bị đơn sau mỗi lần uống rựu về đánh đập nguyên đơn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2021. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Bị đơn cho rằng vợ chồng đôi lúc có xô xát nguyên nhân do bị đơn uống rượu say nhưng sau mỗi lần như vậy bị đơn đều xin lỗi và khắc phục để vợ chồng tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, vì vậy không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, trong thời gian thụ lý vụ án Tòa án đã tạo cơ hội cho các bên tự hòa gải cũng như Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng các bên vẫn duy trì cuộc sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Phan Hải Tr, sinh năm 1996 và Phan Cao C, sinh ngày 12/02/2005. Đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với bị đơn ông Phan Trọng H.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hải Tr, sinh năm 1996 và Phan Cao C, sinh ngày 12/02/2005. Đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2022/0000123 ngày 18/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND xã Ea Kao;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH